TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2026/HC-PT
Ngày 26 tháng 01 năm 2026
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công
Bà Trần Thị Hòa Hiệp

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Hà Văn H - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 22 và 26 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 285/2025/TLPT-HC ngày 25 tháng 10 năm 2025 về: *"*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2025/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3785/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953; địa chỉ nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: Ông Trần Thế T1, sinh năm 1980; địa chỉ nơi cư trú: Ấp C, xã B, huyện T (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp; theo Văn bản ủy quyền ngày 19/01/2024; có mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp; có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Đăng K, chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế xã T; có mặt.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ; địa chỉ: Số C, Quốc lộ C, xã A, huyện C (nay là phường M), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn P - Chức vụ: Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh T2 - Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đ); địa chỉ: Số E, Quốc lộ C, Ấp A, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là Khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T2 - Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ; có mặt.

2. Ông Huỳnh C, sinh năm 1949; địa chỉ nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt

3. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ), tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ: Đường N, khóm C, thị trấn S, huyện T (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh T2 - Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ; có mặt.

4. Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

5. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hồng T3 - Chức vụ: Chủ tịch; có đơn xin vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Đăng K - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế xã T; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T là Người bị kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Diện tích 1.700m^2 đất thửa số 931 tại ấp C, xã T, huyện T có nguồn gốc do vợ chồng ông N1, bà T nhận chuyển nhượng từ ông Trần Chí N vào năm 1993 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/8/1993 do ông N1 đại diện đứng tên. Sau khi ông N1 chết, năm 2021 bà T đăng ký kê khai, được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị T. Năm 2022, diện tích đất trên được Nhà nước quy hoạch trong khu D. Ngày 19/9/2022, bà T khiếu nại yêu cầu được bồi thường đối với diện tích 1700m^2 đất bị thu hồi.

Ngày 12/6/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 569/QĐ-UBND.NĐ bác đơn khiếu nại của bà T với lý do quyền sử dụng 1.700m² đất cấp cho hộ ông Trần Thế N1 không đúng đối tượng, vị trí thửa đất. Ngày 22/9/2023, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T ban hành Quyết định số 48/QĐ-CNVPĐKĐĐ thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T. Ngày 28/4/2025, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T ban hành Quyết định 50/QĐ-CNVPĐKĐĐ hủy Quyết định số 48/QĐ-CNVPĐKĐĐ ngày 22/9/2023 nêu trên.

Không đồng ý với cách giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 178/TB-UBND ngày 13/9/2022, Quyết định giải quyết khiếu nại số 569/QĐ-UBND.NĐ ngày 12/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T; hủy Quyết định số 48/QĐ-CNVPĐKĐĐ ngày 22/9/2023 của Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện T. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T rút lại yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Thông báo số 178 và Quyết định số 48 vì lý do các quyết định này đã bị hủy.

- Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T) trình bày:

Diện tích 1.700m^2 đất thửa số 931 tại ấp C xã T cơ, huyện T có nguồn gốc là đất Bàu Dong thuộc ấp C, xã T hình thành từ trước năm 1975. Ngày 17/8/1993, ông Trần Thế N1 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhiều thửa đất, trong đó có thửa số 931 (diện tích 1.700m²). Ngày 06/4/2021, Ủy ban nhân dân xã T Cơ chứng thực Văn bản phân chia tài sản thừa kế của gia đình bà Nguyễn Thị T (vì ông Trần Thế N1 là chồng bà T chết), theo đó bà T nhận thừa kế toàn bộ di sản của ông Trần Thế N1, trong đó có thửa đất số 931 nêu trên. Ngày 19/5/2021, bà T được cấp đổi đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 931. Bà T yêu cầu được bồi thường diện tích đất trên thì thấy rằng: Diện tích 1.700m² đất thuộc quy hoạch khu nghĩa địa xã T Cơ theo Quyết định số 1762/QĐ-UB ngày 19/10/2001. Tuy nhiên, hiện nay thuộc Khu D, Thương mại và Du lịch Bàu Dong theo Quyết định Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Khu Dịch vụ, Thương mại và Du lịch Bàu Dong theo Quyết định số 122/QĐ-UBND-XDCB ngày 20/7/2006.

Phần diện tích 1.700m² đất nêu trên có nguồn gốc do ông Huỳnh C sử dụng từ khi kết thúc chiến tranh Biên giới Tây - N. Khoảng năm 1976 - 1977, ông Huỳnh C trở về và sử dụng đất này cho đến năm 2001 khi Nhà nước quy hoạch làm khu nghĩa địa xã T thì ông Huỳnh C được Nhà nước bồi thường. Theo Phương án đền bù ngày 11/10/2001 của Ủy ban nhân dân xã T Cơ không có tên ông Trần Thế N1 trong danh sách 52 hộ được bồi thường nên có căn cứ xác định ông N1 không trực tiếp sử dụng đất mà người sử dụng đất là ông Huỳnh Cạt . Do đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Thế N1 là không đúng đối tượng sử dụng đất. Do ông N1 không có quyền sử dụng đất nên việc cập nhật biến động sang tên cho bà T cũng là không đúng và việc bà T khiếu nại yêu cầu được bồi thường là không có căn cứ pháp luật. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban Quyết định giải quyết khiếu nại số 569/QĐ-UBND.NĐ có nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà T là có căn cứ. Đề nghị Tòa án xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Về phía Văn phòng Đăng ký đất đai cũng như Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ bảo lưu ý kiến đã trình bày tại Công văn số 1712/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 23/4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành để giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2025/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T: Hủy Quyết định số 569/QĐ-UBND.NĐ ngày 12/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T (lần đầu).

2. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp) thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Thông báo số 178/TB-UBND ngày 13/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 48/QĐ-CNVPĐKĐĐ ngày 22/9/2023 của Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện đề nghị hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 569/QĐ-UBND.NĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp trình bày:

Tại thời điểm xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Thế N1 vào năm 1993, cán bộ chuyên môn không thực hiện việc đo đạc, kiểm tra thực tế thửa đất của người sử dụng đất xin cấp giấy chứng nhận mà chỉ căn cứ vào đơn xin đăng ký của người sử dụng đất. Theo hồ sơ lưu giữ, tại thời điểm đó có 120 hộ dân có đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện T phê duyệt theo Quyết định số 482/QĐ.UB ngày 17/8/1993, trong đó có hộ ông Trần Thế N1. Thời điểm này, việc quản lý hồ sơ, sổ sách lỏng lẻo, chủ yếu là hồ sơ giấy nên khi bàn giao giữa các công chức địa chính qua các thời kỳ không đầy đủ, chính xác, chỉ bồi thường theo hiện trạng mà không đo đạc, kiểm tra đối chiếu sổ sách nên đã không biết đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N1.

Bên cạnh đó, khi Nhà nước quy hoạch làm khu nghĩa địa năm 2001 và đến năm 2006 thì quy hoạch Khu Dịch vụ, Thương mại và Du lịch B, các cơ quan có thẩm quyền đều công khai, nhưng gia đình bà T không có khiếu nại gì. Điều này chứng minh gia đình bà T không có đất trong khu quy hoạch. Mặt khác, những người làm chứng gồm có ông Đặng Văn L, ông Lê Văn T4 cũng đều xác nhận thửa đất 931 là của ông Huỳnh C sử dụng, gia đình bà T không có đất trong khu vực quy hoạch nghĩa địa.

Như vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N1, sau đó chuyển sang tên bà T, thuộc trường hợp cấp không đúng đối tượng. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ trình bày:

Bảo lưu toàn bộ nội dung ý kiến tại Công văn số 1712/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 23/4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành xét xử khách quan, đúng pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Từ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Thế N1 được thực hiện đúng quy định pháp luật. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T cho rằng thửa đất 931 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Huỳnh C nhưng không

có chứng cứ chứng minh. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/8/2024, ông Huỳnh C khai đất của ông C ở Khu A, còn đất của ông N1 ở Khu B. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T xác định thửa đất 931 cấp cho ông N1 chính là thửa đất của ông Huỳnh C đang sử dụng là không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T Cơ kháng cáo nhưng không xuất trình được tình tiết nào mới nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T Cơ nộp trong hạn luật định, đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T như sau:

[4.1] Theo bà Nguyễn Thị T thì phần diện tích 1.700m^2 đất thửa đất số 931 tại ấp C, xã T, huyện T có nguồn gốc do vợ chồng ông Trần Thế N1, bà Nguyễn Thị T nhận chuyển nhượng từ ông Trần Chí N vào năm 1993 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/8/1993 do ông N1 đại diện đứng tên. Sau khi ông N1 chết, năm 2021 bà T đăng ký kê khai, được cấp đổi đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2022, diện tích đất trên được Nhà nước quy hoạch trong Khu Dịch vụ, Thương mại và Du lịch B. Ngày 19/9/2022, bà T khiếu nại yêu cầu được bồi thường đối với diện tích 1700m^2 đất bị thu hồi. Tuy nhiên, về phía Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T Cơ lại cho rằng thửa đất số 931 có nguồn gốc của ông Huỳnh C sử dụng, khi Nhà nước thu hồi đã bồi thường cho ông C; hộ gia đình ông Trần Thế N1 không có quá trình sử dụng đất; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N1 là trên cơ sở tự kê khai; do đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N1 là không đúng đối tượng. Như vậy, lời trình bày của Người khởi kiện và N2 bị kiện về nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất 931 là mâu thuẫn, không thống nhất.

[4.2] Tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 17/8/1993, ông Trần Thế N1 được Ủy ban nhân dân huyện T ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 963, diện tích 1.498m^2, mục đích sử dụng: Đất lúa; thửa đất số

959, diện tích 2.990m^2, mục đích sử dụng: Đất Lúa; thửa đất số 931, diện tích 1.700 m^2, mục đích sử dụng: Đất trồng màu; thửa đất số 1058, diện tích 2.297m^2, mục đích sử dụng: Đất lúa; thửa đất số 1057, diện tích 1.860m^2, mục đích sử dụng: Đất lúa; thửa đất số 1962, diện tích 900m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn; thửa đất số 960, diện tích 900m^2, mục đích sử dụng: Đất lúa, cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc xã T, huyện T. Ngày 25/9/1999, ông N1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 963, 959, 960, 1057, 1058, cùng tờ bản đồ số 01 cho hộ ông Nguyễn Tấn N3 và được Phòng Địa chính huyện Tân Hồng chỉnh lý tại trang tư Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/10/1999. Phần diện tích đất còn lại là 2.600m^2, trong đó có 1.700m^2 thuộc thửa đất số 931 và 900m^2 đất thuộc thửa đất số 1962.

[4.3] Trên thực tế, sau khi ông Trần Thế N1 chết, ngày 06/4/2021 Ủy ban xã T Cơ chứng thực Văn bản phân chia tài sản thừa kế của gia đình bà Nguyễn Thị T đối với thửa đất số 931 và 1962 nêu trên. Ngày 19/5/2021, bà T được Sở T ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 931, diện tích 1.700m^2, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 1962, diện tích 900m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc xã T, huyện T. Như vậy, cả lần cấp mới và cấp đổi giấy chứng nhận thửa đất 931 đều do chính Ủy ban nhân dân xã T Cơ xác nhận và trình Ủy ban nhân dân huyện T theo thẩm quyền; do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T cho rằng có sự nhầm lẫn trong việc cấp giấy chứng nhận thửa đất 931 cho ông N1, bà T là không có căn cứ.

[4.4] Mặt khác, tại Công văn số 1712/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 23/4/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ trả lời việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T đã được thực hiện đúng quy định tại Điều 188 Luật đất đai năm 2013 và Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, có cơ sở pháp lý xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N1 sau đó cập nhật biến động sang tên bà T đã được thực hiện đúng quy định pháp luật.

[4.5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T cho rằng thửa đất 931 có nguồn gốc do ông Huỳnh C khai hoang từ trước năm 1975, trực tiếp quản lý từ năm 1976 đến năm 2001 nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/8/2024, ông Huỳnh C xác nhận diện tích đất ông được nhận tiền bồi thường có tứ cận: Phía Đông giáp đất của ông Huỳnh T5, phía Tây giáp đường đất, phía Nam giáp đường đal, phía Bắc giáp đất của ông Đặng Văn L1, hoàn toàn không liên quan tới diện tích đất tranh chấp của ông N1, bà T. Còn tại Đơn xin xác nhận ngày 08/9/2024, ông Trần Văn N4 khẳng định diện tích 1700m^2 đất trên do chính ông là người trực tiếp chuyển nhượng cho ông N1, đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất của ông Nguyễn H1, phía Tây giáp đất của ông Nguyễn N5, phía Nam giáp lộ đất nay là

lộ 30, phía bắc giáp ao của ông Cao H2. Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông N1 thì lời khai của ông N4 về tứ cận đất chuyển nhượng cho ông N1 là thống nhất, còn lời khai của ông Huỳnh C không phù hợp.

Tại phiên tòa, mặc dù Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T có xuất trình một số tài liệu chứng minh đã bồi thường giá trị đất cho ông Huỳnh C và ông C thừa nhận đã nhận tiền đền bù. Tuy nhiên, tại thời điểm bồi thường, ông C chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không có các giấy tờ hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai; do đó, ông C không phải là chủ sử dụng đất hợp pháp đối với thửa đất 931. Việc Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho ông C trong trường hợp này là không đúng đối tượng. Trong khi đó, về pháp lý thì ông N1 và sau này là bà T lại đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong quá trình dài (từ năm 1993 đến nay), nên cần xác định bà T là chủ sử dụng hợp pháp diện tích đất trên mới phù hợp. Trên cơ sở đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T thực hiện đúng quy định pháp luật khi thu hồi đất là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4.6] Tại phiên tòa phúc thẩm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T Cơ kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới có giá trị pháp lý làm thay đổi nội dung và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ. Đối với quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho N2 bị kiện không phù hợp nên không được chấp nhận.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp phải chịu.

[7] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2025/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2025/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Áp dụng: Luật Đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại năm 2012; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T:

Hủy Quyết định số 569/QĐ-UBND.NĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T;

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Thông báo số 178/TB-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 48/QĐ-CNVPĐKĐĐ ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị T.

3. Về án phí:

3.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T không phải chịu. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T), tỉnh Đồng Tháp phải chịu 300.000 đồng.

3.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T), tỉnh Đồng Tháp phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng theo Biên lai thu số 0000141 ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2025/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- Viện CT & KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA - NTCL

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Mạnh Cường